

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23 tháng 04 năm 2026;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 05 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố tại Tờ trình số/TTr-SNV ngày/...../2026 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số/TTr-SNV ngày/...../2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp và toàn diện đối với các khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng

cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp.

2. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình, kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý khu công nghệ cao và khu công nghiệp; làm nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố khi được phân cấp, ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu có hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng và được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước.

4. Trụ sở chính: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Đề xuất, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ban hành hoặc đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và quy chế hoạt động của các khu công nghệ cao;

b) Chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp sử dụng vốn đầu tư công, vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; quyết định đầu tư dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (trừ các dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều này);

c) Đề án, kế hoạch xây dựng phát triển trung hạn và dài hạn đối với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý;

d) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, huy động nguồn lực, xã hội hóa để xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý phù hợp với điều kiện thực tế trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật;

đ) Chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý;

e) Chương trình, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo từng thời kỳ;

g) Quyết định ban hành các nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư vào khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo từng thời kỳ;

h) Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý và hoạt động của các khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

i) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý;

k) Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp và giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

2. Tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

3. Quản lý các chương trình, dự án đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, khu công nghiệp sử dụng vốn đầu tư công, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao theo quy định của pháp luật (bao gồm dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Chủ trì quản lý chương trình đầu tư công và trực tiếp quản lý dự án đầu tư công về xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, khu công nghiệp. Được phép giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc làm chủ chương trình đầu tư, chủ đầu tư dự án đầu tư công;

b) Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của các chương trình, dự án đầu tư công;

c) Trưởng ban Ban Quản lý quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công và các dự án bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình tài sản công sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án do Trưởng ban Ban Quản lý quyết định đầu tư theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố;

đ) Ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức để đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao và khu công nghiệp.

4. Hợp tác và xúc tiến đầu tư

a) Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn lực đầu tư vào khu công nghệ cao và khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý;

b) Xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, hội, hiệp hội, khu khoa học trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật nhằm hợp tác nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các lĩnh vực khác có liên quan;

c) Huy động các nguồn lực xã hội từ tài trợ của các tổ chức, cá nhân, hiệp hội và nhà đầu tư để thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư; được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý đầu tư

a) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Xây dựng, ban hành và công bố danh mục dự án thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố trong từng thời kỳ; mẫu văn bản áp dụng đối với từng loại hình dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ cao;

c) Chấp thuận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cấp lại, hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Cấp, điều chỉnh, cấp đổi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư và đấu thầu;

e) Xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao;

g) Điều chỉnh, gia hạn thời gian hoạt động của dự án đầu tư; quyết định ngừng hoặc ngừng một phần, chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư và thực hiện các thủ tục liên quan tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

h) Xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài.

i) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trừ Dự án

đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án an ninh, quốc phòng) tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư;

k) Cấp, điều chỉnh, chấm dứt Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng điều hành, chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý;

l) Hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; ký kết văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và thực hiện các thủ tục đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

m) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu đầu tư, quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư, việc đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư về xây dựng, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;

n) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì thẩm định, lập báo cáo thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu chức năng khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

o) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

p) Tham gia ý kiến về sự phù hợp của dự án với quy hoạch của khu công nghệ cao, việc đáp ứng các mục tiêu phát triển khu công nghệ cao, sự phù hợp về kết nối hạ tầng với khu công nghệ cao khi lấy ý kiến thống nhất của Ban Quản lý trong quá trình thẩm định dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công (trừ trường hợp dự án an ninh, quốc phòng).

6. Quản lý, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ

a) Triển khai thực hiện các chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ và chương trình trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

b) Tổ chức, thực hiện đánh giá việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí công nghệ cao được ưu tiên phát triển, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp; đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của nhà đầu tư; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự

án đầu tư và thực hiện hậu kiểm về việc thực hiện các cam kết của dự án tại công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, hỗ trợ thực hiện các hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sát hạch nhân lực và các hoạt động công nghệ khác;

d) Tổ chức việc đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và kế hoạch, chương trình, đề án chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp; theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả việc chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Tổ chức khai thác, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi thẩm quyền;

e) Tổ chức, hỗ trợ tổ chức các hội chợ, triển lãm, trình diễn công nghệ cao, trình diễn sản phẩm công nghệ cao từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ của các nước và Việt Nam, các diễn đàn khoa học và công nghệ, chợ công nghệ, sàn giao dịch công nghệ và các hoạt động cung ứng dịch vụ công nghệ cao khác tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

g) Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thử nghiệm và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về công nghệ cao; hướng dẫn triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ cao, thí điểm các cơ chế, chính sách mới, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, hoặc mô hình kinh doanh mới trong phạm vi khu công nghệ cao và khu công nghiệp; kiểm tra, giám sát quá trình thử nghiệm tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

h) Tham gia các sự kiện, chương trình, dự án về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực, liên khu vực và quốc tế;

i) Tổ chức thực hiện việc xác định, công nhận và chứng nhận đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, theo dõi và kiểm tra hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp; thực hiện các quy trình và hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục xây dựng cơ bản đối với các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ bảo đảm phù hợp với quy hoạch và quy định của pháp luật;

l) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

m) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý quy hoạch

a) Tổ chức lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghệ cao và khu công nghiệp (trừ khu chức năng do nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ chức lập). Tổ chức lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng các khu vực trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp (trừ khu vực do nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và khu vực dân cư hiện hữu, khu vực công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không phục vụ trực tiếp hoạt động của khu chức năng);

b) Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghệ cao và khu công nghiệp. Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chi tiết và chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng các khu vực trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp (trừ khu vực thực hiện dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước và khu vực dân cư hiện hữu, khu vực công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không phục vụ trực tiếp hoạt động của khu chức năng). Đơn vị chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch thuộc Ban Quản lý tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý;

c) Ban hành quy định quản lý quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghệ cao và khu công nghiệp và quy hoạch chi tiết các khu vực trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý;

d) Tổ chức công bố công khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu vực trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của Ban Quản lý hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Ban Quản lý;

đ) Tổ chức lập hồ sơ cấm mốc quy hoạch và thực hiện cấm mốc ngoài thực địa hoặc áp dụng công nghệ thông tin đối với các quy hoạch khu công nghệ cao, khu công nghiệp và các khu vực trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp do Ban Quản lý tổ chức lập. Phê duyệt hồ sơ cấm mốc đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý. Đơn vị chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch thuộc Ban Quản lý tổ chức thẩm định hồ sơ cấm mốc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý;

e) Cung cấp thông tin về quy hoạch khu công nghệ cao và khu công nghiệp đã được phê duyệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu;

g) Tham gia ý kiến về quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng của các dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

h) Tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả rà soát quy hoạch đã được phê duyệt trong phạm vi khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

i) Phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng và các dự toán chi phí khác thuộc công tác lập quy hoạch, chi phí đo vẽ lập bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng phục vụ lập quy hoạch (nếu thuộc trường hợp phải đo vẽ) hoặc chi phí hiệu chỉnh bản đồ (nếu thuộc trường hợp phải hiệu chỉnh), chi phí phục vụ công tác đấu thầu đối với các quy hoạch do Ban Quản lý tổ chức lập sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước;

k) Quản lý các nội dung trong quy hoạch khu công nghệ cao và khu công nghiệp đã được phê duyệt.

8. Quản lý đầu tư xây dựng

a) Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các dự án, công trình (không phân biệt nguồn vốn, nhóm dự án và cấp công trình) thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng (bao gồm cả dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao);

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy Giấy phép xây dựng đối với việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp; xem xét, quyết định việc thực hiện đồng thời thủ tục cấp Giấy phép xây dựng với thủ tục điều chỉnh tiến độ dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao (trừ công trình bí mật nhà nước). Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình xây dựng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao có yêu cầu thông báo khởi công xây dựng để theo dõi, quản lý;

d) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp. Kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bao gồm cả công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao);

đ) Tổ chức giám định xây dựng công trình, giám định nguyên nhân sự cố, giải quyết sự cố công trình đối với công trình xây dựng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

9. Quản lý đất đai

a) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các cơ quan liên quan để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

b) Quyết định giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất đã giao hoặc cho thuê, bàn giao đất trên thực địa đối với người sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

c) Ghi giá đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất thuộc thẩm quyền

của UBND cấp tỉnh đối với trường hợp áp dụng giá đất trong bảng giá để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

d) Cung cấp thông tin địa chính thửa đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

đ) Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng đối với mảnh trích đo địa chính thửa đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

e) Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định của pháp luật về đất đai, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể sau: Lập phương án đấu giá, trình UBND Thành phố phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất; Lập hồ sơ đấu giá, trình UBND Thành phố ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng đất; Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thuê đơn vị, tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất; Lập hồ sơ, trình UBND Thành phố ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá; Trình hủy Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá;

g) Quyết định chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

h) Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

i) Xác định và ban hành mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả của người sử dụng đất, xác định số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả mà người sử dụng đất phải nộp cho Nhà nước và ban hành thông báo gửi đến người có nghĩa vụ phải nộp; xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với với khoản tiền hoàn trả giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã nộp;

k) Xác định việc đáp ứng các điều kiện về ưu đãi miễn tiền thuê đất và ban hành quyết định thu hồi việc miễn tiền thuê đất trong trường hợp người sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã được miễn mà không đáp ứng điều kiện về ưu đãi miễn tiền thuê đất;

l) Quản lý, theo dõi việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, việc đáp ứng các điều kiện về ưu đãi miễn tiền thuê đất của người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất tại khu công nghệ cao;

m) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của cơ quan có chức năng quản lý đất đai thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố tại khu công nghệ cao được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

10. Quản lý môi trường

a) Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường, tiếp nhận đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

b) Xem xét đánh giá sơ bộ tác động môi trường, sự phù hợp của dự án đầu tư với các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao và khu công

nghiệp trong quá trình thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định đầu tư các dự án;

c) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao và khu công nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp thực hiện các trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Xây dựng Kế hoạch, ban hành Quyết định và tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định tờ khai phí, ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường, Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các cơ sở xả nước thải tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

e) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan trong việc truyền thông về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác; quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; giải quyết các vấn đề tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

f) Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường và tổ chức thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đối với khu công nghệ cao và khu công nghiệp được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

g) Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường khác tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

11. Quản lý hoạt động của Nhà đầu tư, doanh nghiệp

a) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác có địa chỉ đặt trong các khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp và theo phân cấp, ủy quyền; thực hiện quản lý, theo dõi toàn bộ quá trình hoạt động của doanh nghiệp từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động;

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại của tổ chức và thương nhân nước ngoài; chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về thương mại;

c) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo ủy quyền của Bộ Công Thương;

d) Cấp các giấy phép, chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo phân cấp, ủy quyền của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

đ) Xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Cung cấp các thông tin và kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư và triển khai dự án đầu tư tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

f) Tổng hợp, thống kê, theo dõi, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý lao động

a) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

b) Cấp giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với lao động làm việc trong các khu công nghệ cao và khu công nghiệp về đăng ký nội quy lao động, báo cáo tình hình sử dụng lao động, tình hình thực hiện quản lý lao động và các nhiệm vụ khác có liên quan đến lao động theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

d) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về lao động để theo dõi tình hình sử dụng lao động trong các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

đ) Theo dõi, tổng hợp nhu cầu lao động và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để cung ứng lao động cho các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức công đoàn trong việc giải quyết các tranh chấp lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động trong các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

g) Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo công tác quản lý lao động và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác về lao động theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Tổ chức quản lý, khai thác, vận hành toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được chủ đầu tư hạ tầng bàn giao, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã bàn giao cho các doanh nghiệp Nhà nước để quản lý, vận hành, khai thác, kinh doanh;

b) Tổ chức thực hiện các dịch vụ công về quản lý, vận hành, duy tu, duy trì, bảo trì thường xuyên hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, duy trì hệ thống cây xanh, thảm cỏ, thu gom rác thải và vệ sinh môi trường tại các khu vực công cộng và các dịch vụ công khác liên quan đến việc quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố đối với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: quyết định phương án lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công; quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công khác; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công; xét duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công để đề nghị Sở Tài chính để kiểm tra, xác nhận quyết toán;

c) Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Thành phố đối với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

d) Ban hành mức thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải tại khu công nghệ cao được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, xác định và thông báo số tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải nhà đầu tư phải nộp; thẩm định, chấp thuận khung giá tiền sử dụng hạ tầng, chi phí chuẩn bị mặt bằng, giá cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và các loại phí dịch vụ khác do chủ đầu tư hạ tầng đề xuất đối với khu công nghệ cao được Nhà nước đầu tư một phần hệ thống kết cấu hạ tầng;

đ) Tiếp nhận đăng ký khung giá và các loại chi phí sử dụng hạ tầng đối với khu công nghiệp và khu công nghệ cao không quy định tại điểm d khoản này;

e) Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp điện, nước, viễn thông, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, các tổ chức, cơ quan liên quan để đảm bảo quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp hiệu quả và kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xung quanh.

14. Bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy và chữa cháy

a) Tổ chức thuê đơn vị bảo vệ chuyên nghiệp hoặc giao đơn vị trực thuộc thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự bằng nguồn vốn ngân sách Thành phố giao Ban Quản lý đối với khu công nghệ cao được Nhà nước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

b) Phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong việc thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ trong các khu công nghệ cao và khu công nghiệp.

15. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm

a) Đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức công đoàn để tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, điều tra tai nạn lao động, sự cố an toàn thực phẩm và các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp, báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm của các doanh nghiệp, đơn vị trong các khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cải cách hành chính

a) Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý;

b) Quản lý về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Thực hiện cải cách hành chính tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố; là đầu mối giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

17. Quản lý tài chính, ngân sách

a) Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách hằng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm gửi Sở Tài chính và các sở chuyên ngành tổng hợp theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, theo dõi, báo cáo việc thu nộp tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình do Nhà nước đầu tư, tiền xử lý nước thải của nhà đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

18. Quản lý doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hoà Lạc (HHPD):

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp đối với đơn vị trực thuộc.

19. Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư, cơ chế chính sách trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp; thực hiện hậu kiểm việc tuân thủ quy định pháp luật, điều kiện đầu tư, tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án, kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm, phòng ngừa trực lợi chính sách.

20. Trưởng ban Ban Quản lý có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố thuộc các lĩnh vực: kế hoạch và đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, khoa học và công nghệ, chuyên

giao công nghệ. Công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý quy định tại khoản này.

21. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác

a) Ban hành quy chế quản lý trong các lĩnh vực quản lý có liên quan đối với khu công nghệ cao và khu công nghiệp; các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, quy định nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Định kỳ và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

c) Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân Thành phố để cung cấp, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin của Quốc gia và của địa phương về các hoạt động tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

d) Hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp liên kết, hợp tác với nhau thực hiện cộng sinh công nghiệp; các biện pháp sản xuất sạch hơn, chuyển đổi thành mô hình khu công nghiệp sinh thái;

đ) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế chính sách liên quan đến phát triển khu công nghệ cao và khu công nghiệp, thu thập thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp để đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cho phù hợp với thực tiễn;

e) Nhận báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý vận hành hệ thống thông tin về khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

g) Tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng cho doanh nghiệp trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

h) Tổ chức đánh giá, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp; kịp thời phát hiện và giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

i) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của các dự án đầu tư; phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật có liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp tại khu công nghệ cao và khu công nghiệp;

l) Đối với các nhiệm vụ phát sinh liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao và khu công nghiệp chưa được quy định tại Quyết định này và tại các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở,

ngành liên quan, Ban Quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về khu công nghệ cao và khu công nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Hợp tác và Đầu tư;
- d) Phòng Xây dựng và Môi trường;
- đ) Phòng Khoa học và Công nghệ;
- e) Phòng Quản lý doanh nghiệp;
- g) Phòng Chính sách và Truyền thông.

2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý

- a) Trung tâm Ươm tạo và Đào tạo công nghệ cao;
- b) Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- c) Ban Quản lý các dự án và Khai thác hạ tầng.

3. Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Theo tình hình thực tiễn tại từng thời điểm, Trưởng ban Ban Quản lý được chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao nhưng tối đa không quá 7 phòng chuyên môn trực thuộc. Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý thực hiện theo lộ trình và chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc Ban

1. Trưởng ban, Phó Trưởng ban:

a) Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội có Trưởng ban và các Phó Trưởng ban;

b) Trưởng ban Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Phó Trưởng ban Ban Quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý, giúp Trưởng ban Ban Quản lý thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban Ban Quản lý phân công

và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Quản lý và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban Ban Quản lý vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thay Trưởng ban điều hành các hoạt động của Ban Quản lý. Phó Trưởng ban không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban Quản lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước;

e) Trưởng ban quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban Quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Số lượng cấp phó các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý thực hiện theo quy định đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và phải bảo đảm phù hợp với các điều kiện, tiêu chí sau đây:

a) Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; các ngành, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng, phù hợp với nhiệm vụ quyền hạn của Ban quản lý;

b) Khối lượng công việc yêu cầu bố trí tối thiểu từ 07 biên chế công chức đối với phòng thuộc Ban Quản lý;

c) Được bố trí 01 Phó Trưởng phòng đối với phòng thuộc Ban Quản lý có dưới 10 biên chế công chức;

d) Được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng đối với phòng thuộc Ban quản lý có từ 10 đến 14 biên chế công chức;

đ) Được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng đối với phòng thuộc Ban quản lý có từ 15 biên chế công chức trở lên;

e) Số lượng cấp phó của Văn phòng Ban Quản lý thực hiện như đối với phòng chuyên môn.

3. Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Quản lý, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định.

Điều 5. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Ban Quản lý do Ủy ban nhân dân Thành phố giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố do cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt;

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUBND TP: các PCVP, các phòng: TH, NC, KT;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**